

Bản án số: **48/2025/DS-ST**

Ngày: 27-6-2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Liễu

2. Ông Phạm Công Gia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: tổ X, ấp X, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Y, xã N C T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:** Do có quen biết với nhau nên bà cho bà Hoàng Thị T vay số tiền 84.500.000 đồng theo “bản cam kết” ngày 25/10/2018 (nhưng các bên không ghi cụ thể số tiền mặt và vàng). Các bên thỏa thuận bà T sẽ trả cho bà T số tiền gốc mỗi tháng là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 700.000 đồng (theo lãi suất ngân hàng 10%/năm), thời gian trả bắt đầu tháng 11/2018. Tổng số tiền bà T phải trả cho bà T là 2.700.000 đồng/ tháng, trong quá trình thực hiện bản cam kết thì bà T đã trả được số tiền 8.700.000 đồng thì không trả nữa. Bà T nhiều lần yêu cầu bà T phải trả tiền gốc và lãi cho bà T nên vào ngày 13/10/2022, bà T đã viết lại 01 “giấy xác nhận nợ” thể hiện: Bà T còn nợ bà T số tiền 85.000.000 đồng, trong đó 70.000.000 đồng là tiền mặt,

15.000.000 đồng là tiền quy đổi 4 chỉ vàng và thỏa thuận tiền lãi là 1.500.000 đồng, thời gian bắt đầu từ ngày 25.11.2022. Thực hiện cam kết thì bà T đã trả cho bà T tiền lãi đến tháng 01 năm 2024 với số tiền 17.800.000 và từ tháng 2/2024 đến nay thì không trả cho bà T thêm số tiền nào nữa, tổng số tiền lãi bà T đã trả cho bà T là 25.800.000 đồng.

Do bà T không thực hiện như “Giấy xác nhận nợ” ngày 13/10/2022 nên bà T yêu cầu bà T phải trả 84.500.000 đồng theo “bản cam kết” ngày 25/10/2018 và 4 chỉ vàng không có giấy tờ vay mượn. Đối với Giấy xác nhận nợ vào năm 2022 thì bà đồng ý huỷ bỏ.

Về lãi suất: Bà yêu cầu bà T phải trả tiền lãi từ tháng 1/2019 đến nay với lãi suất $13\% \times 84.500.000 = 71.297.000$ đồng. Trừ đi số tiền bà T đã trả 25.800.000 đồng (17.800.000 đồng trả làm 13 lần và một lần trả 8.000.000 đồng). Tổng số tiền lãi còn lại là 45.497.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi yêu cầu bà T phải trả là 129.997.000 đồng và 04 chỉ vàng.

Số tiền cho bà T vay là tiền bà vay của ngân hàng nên không phải là tài sản chung của vợ chồng, bà cho một mình bà T vay nên bà chỉ yêu cầu một mình bà T phải có trách nhiệm trả.

Về án phí: Bà là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, lệ phí nên đề nghị miễn án phí cho bà theo quy định pháp luật.

*** Theo bản tự khai khai, biên bản hòa giải bị đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:** Bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền 85.000.000 đồng theo Giấy xác nhận nợ ngày 13/10/2022, bà đã trả tiền lãi cho bà T 13 lần với tổng số tiền là 17.800.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà trả tổng cộng tiền gốc và lãi yêu cầu bà T phải trả là 143.700.000 đồng và 04 chỉ vàng thì bà không đồng ý. Bà đồng ý trả cho bà T số tiền 85.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm từ tháng 1/2022 đến nay. Tổng cộng gốc và lãi trả cho bà T là 96.000.000 đồng sau khi đã trừ số tiền lãi đã trả 13 lần với tổng số tiền là 17.800.000 đồng.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả số tiền gốc 84.500.000 đồng và tiền lãi 10%/ năm đến thời điểm xét xử cho bà Phạm Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu về việc: Bà T yêu cầu bà T phải trả 04 chỉ vàng.

Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền, vàng đã vay và tiền lãi đối với bà Hoàng Thị T có địa chỉ tại ấp Y, xã N C T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị T khởi kiện đối với bà Hoàng Thị T. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bà T là nguyên đơn, bà T là bị đơn trong vụ án.

Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Hoàng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu đối với số tiền nợ gốc của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T cung cấp “Bản cam kết ngày 25/10/2018 có nội dung bà T nhờ bà T đứng tên vay ngân hàng dùm số tiền 84.500.000 đồng có chữ ký của bà T. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận còn nợ bà T số tiền mặt là 70.000.000 đồng và 15.000.000 đồng là tiền quy đổi 4 chỉ vàng. Do vậy tổng số tiền được ghi trong các “bản cam kết” ngày 25/10/2018 và tại “Giấy xác nhận nợ” ngày 13/10/2022, cũng thể hiện tổng số tiền 85.000.000 đồng là phù hợp với các lời khai của các đương và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên bà T chỉ yêu cầu bà T trả số tiền gốc là 84.500.000 đồng. Do đó, buộc bà Hoàng Thị T thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền 84.500.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn: Do bà Hoàng Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị T yêu cầu bà Hoàng Thị T phải trả tiền lãi của số tiền gốc 84.500.000 đồng từ ngày 01/01/2019 đến nay theo mức lãi suất là 13%/năm thành tiền sau khi đã trừ đi số tiền lãi là 25.800.000 đồng bà T đã trả còn lại là 45.497.000 đồng.

Tuy nhiên theo “Bản cam kết” tại thời điểm ký kết thì lãi suất được các bên xác định theo lãi suất ngân hàng là 10%/ năm (số tiền lãi 700.000 đồng/ tháng của số tiền gốc 84.500.000.000 đồng) là phù hợp với lời khai của các đương sự và chứng cứ có trong vụ án. Do lãi suất được xác định theo lãi suất ngân hàng tại Bản cam kết năm 2018 nên yêu cầu về lãi suất 13%/ năm của bà T là không có căn cứ. Bà T đồng ý tính

lãi suất theo mức 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

Do đó số tiền lãi bà T phải trả cho bà T tính đến thời điểm xét xử là: $84.500.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 06 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 54.844.000 \text{ đồng}$. Bà T đã nhận của bà T số tiền là 25.800.000 đồng nên số tiền lãi bà T phải trả cho bà T là 29.044.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà Hoàng Thị T phải thanh toán cho bà Phạm Thị T là 113.544.000 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

[2.3] Về yêu cầu trả 04 chỉ vàng của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu bà T ngoài việc trả số tiền 84.500.000 đồng tiền gốc còn phải trả 04 chỉ vàng nhưng bà T không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận vay vàng. Bà T thừa nhận có vay của bà T 04 chỉ vàng nhưng đã được quy đổi thành tiền và được cộng chung với tiền mặt ở thời điểm năm 2018. Do đó yêu cầu của bà T buộc bà T phải trả 4 chỉ vàng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền gốc và lãi là 113.544.000 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $113.544.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.677.200 \text{ đồng}$. Bà Phạm Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với bà Hoàng Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền gốc và lãi là 113.544.000 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc buộc bà Hoàng thị T phải trả 04 chỉ vàng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 5.677.200 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Gia

Phạm Thị Liễu

Phạm Tuấn

